

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15/10/2019

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Điều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga

2. Bà Kiều Việt Phương

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Q, E, R, Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Q, E, R, Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết V trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh L tự nguyện tìm hiểu đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Có đăng ký kết hôn

tại UBND xã E vào năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở E. Trong cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn trong cách sinh hoạt. Từ đó hai vợ chồng có lời qua tiếng lại cãi nhau rồi không thể hòa giải được. Hai bên gia đình cũng có khuyên nhủ nhưng không thành. Nay chị V cùng con trai đã về nhà mẹ đẻ ở xã T để ở, còn anh L sống ở E. Từ ngày chị về nhà mẹ đẻ để ở đến nay anh L không có quan tâm thăm hỏi gì hai mẹ con chị V. Hiện nay chị đang làm nhân viên chăm sóc sắc đẹp tại Y. Thu nhập tiền lương chính hàng tháng là 6.700.000 đồng.

Nay chị V cảm thấy vợ chồng không thể hàn gắn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn L.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Tấn C, sinh ngày 21/12/2015 hiện nay con đang ở với chị V và đang học mầm non tại Trường mầm non xã T.

Khi ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Tấn C và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2019.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí ly hôn: Chị V tự nguyện chịu án phí về việc thuận tình ly hôn.

**Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Tấn L trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị V về quan hệ hôn nhân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Anh và chị V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã E. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau. Từ tháng 3/2019 chị V vợ anh đã dẫn con về nhà mẹ đẻ để ở tại xã T cho đến nay. Tình cảm giữa hai vợ chồng đã không còn. Nay chị V yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Tấn C, sinh ngày 21/12/2015 hiện nay con đang ở với chị V và đang học mầm non tại trường mầm non xã T.

Khi ly hôn, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nguyễn Tấn C và không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí ly hôn: chị V tự nguyện chịu anh không có ý kiến gì.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã E, huyện R. Về phía địa phương không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn. Nhưng hiện tại anh L và chị V không chung sống cùng nhau, phần ai nấy sống.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:*

Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn: chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữa chị V và anh L bất đồng quan điểm dẫn đến có mâu thuẫn, hiện nay chị V và anh L đã sống ly thân. Anh L không có quan tâm đến hai mẹ con chị V, không còn tình cảm, không còn quan tâm nhau, giữa anh L và chị V không thể hòa giải, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị V khởi kiện xin ly hôn đối với anh L là có căn cứ. Chị V và anh L thống nhất thuận tình ly hôn nên cần ghi nhận việc thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về nuôi con chung: Hiện nay con đang ở với chị V và đang theo học tại Trường mầm non xã T. Chị V có việc làm ổn định nên cần tiếp tục giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh L phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị V và anh L. Vấn đề con chung: giao cho chị V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng HĐXX xem xét quyết định cho phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật HNGĐ 2014. Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xem xét; Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn chị V tự nguyện nộp; anh L phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện R thụ lý, giải quyết yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E vào ngày 10 tháng 02 năm 2015. Do vậy hôn nhân giữa chị V và anh L là hợp pháp theo quy định tại Điều 8,9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V thì thấy: Giữa chị V và anh L có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến không có tiếng nói chung. Hiện nay anh chị đã sống ly thân không qua lại chăm sóc gì cho nhau, không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị V yêu cầu ly hôn và anh L cũng đồng ý ly hôn nên cần ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết V và anh Nguyễn Tấn L là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: chị V và anh L đều công nhận vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Tấn C, sinh ngày 21/12/2015 hiện nay con đang ở với chị V và đang học mầm non tại Trường mầm non xã T. Khi ly hôn cả chị V và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của chị V, anh L: Hiện nay cháu C đang ở cùng với chị V. Chị V có việc làm ổn định. Anh L và chị V không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao con cho chị Nguyễn Thị Tuyết V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo phát triển mọi mặt cho cháu bé trong điều kiện hiện nay chi phí, giá cả sinh hoạt rất cao. Do đó Hội đồng xét buộc anh Nguyễn Tấn L phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11/2019 là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh L đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Từ những phân tích và nhận định, đánh giá như trên, đề nghị của Kiểm sát viện tại phiên toà về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị V tự nguyện chịu án phí về việc thuận tình ly hôn; anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tuyết V và anh Nguyễn Tấn L.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Tuyết V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tấn C, sinh ngày 21/12/2015.

Buộc anh Nguyễn Tấn L phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con Nguyễn Tấn C đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2019.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Tuyết V tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí về việc thuận tình ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004389 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Anh Nguyễn Tấn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu: hs, vt.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diệu